

Số: 354/QĐ - ĐHTDM

Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành đề án tuyển sinh năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-BGDĐT, ngày 30/3/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023;

Căn cứ Quy chế Tuyển sinh đại học ban hành kèm theo Quyết định số 513/QĐ/ĐHTDM, ngày 27/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành “Đề án tuyển sinh năm 2023” của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện đề án, nếu cần điều chỉnh để phù hợp với các điều kiện và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh phối hợp với các đơn vị có liên quan đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh, Trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- UBND Tỉnh Bình Dương;
- Lãnh đạo Trường;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Cường



ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH
GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2023

(Kem theo Quyết định số: 354/QĐ-ĐHTDM ngày 17 tháng 3 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường đại học Thủ Dầu Một)

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên cơ sở đào tạo

- Tiền thân của Trường là Cao đẳng Sư phạm Bình Dương - một cơ sở đào tạo sư phạm uy tín của tỉnh Bình Dương, cung cấp đội ngũ giáo viên có chuyên môn, am tường nghiệp vụ giảng dạy và có tâm huyết với thế hệ trẻ.
- Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sứ mệnh của Trường là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.
- Trường Đại học Thủ Dầu Một vinh dự là thành viên của tổ chức CDIO thế giới (từ năm 2015); Là thành viên liên kết của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á – AUN (từ năm 2017). Tháng 11/2017, trường đạt Chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia. Tháng 10/2019, trường tiến hành đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả đến tháng 3 năm 2023 trường có 15 ngành đại học đạt chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tháng 1/2020, trường đánh giá ngoài 4 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA, kết quả đạt chuẩn 4 ngành đại học, đến tháng 7/2022 trường có thêm 4 ngành đại học đạt chuẩn AUN-QA. Trong 2 năm từ năm 2020 đến năm 2022 Trường có 8 ngành đại học đạt chuẩn AUN-QA. Tháng 12/2021, trường có 1 ngành đại học đạt chuẩn 5 sao, và 3 ngành đại học đạt chuẩn 4 sao UPM (University Performance Metrics). Qua 13 năm phát triển, trường đã trở thành địa chỉ đào tạo, nghiên cứu uy tín trong nước và quốc tế, xếp thứ 15 trên bảng xếp hạng các trường đại học của Việt Nam theo VNUR (Vietnam's Universities Ranking) năm 2023.

Tầm nhìn và sứ mệnh

- Sứ mệnh: Là trung tâm văn hóa, giáo dục và khoa học, công nghệ; cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học công nghệ có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ và cả nước.
- Tầm nhìn: Trở thành trường đại học thông minh với nhiều trường thành viên, vào bảng xếp hạng 350 Châu Á năm 2030, người học có năng lực làm việc trong và ngoài nước.
- Giá trị cốt lõi:

Khát vọng (Aspiration): có ý thức phấn đấu vươn lên đỉnh cao trí thức, ước vọng tới những điều tốt đẹp và quyết tâm thực hiện một cách mạnh mẽ nhất.

Trách nhiệm (Responsibility): có thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm với chính mình, với gia đình, xã hội, Tổ quốc, nhân loại; có đủ năng lực và kỹ năng để chịu trách nhiệm.

Sáng tạo (Creativity): có tư duy đổi mới, có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để tạo ra giá trị mới đáp ứng yêu cầu và phục vụ cho sự phát triển của xã hội.

- Triết lý giáo dục:

Nghiên cứu khoa học - Học tập trải nghiệm - Phục vụ cộng đồng

Sinh viên trở thành người phát triển toàn diện về năng lực và tổ chức thông qua quá trình học tập trải nghiệm, kết hợp với NCKH nhằm phục vụ cộng đồng.

Theo đuổi triết lý giáo dục “Nghiên cứu khoa học - Học tập trải nghiệm - Phục vụ cộng đồng”, nhà trường tạo ra môi trường, văn hoá học tập và nuôi dưỡng khát vọng phục vụ cộng đồng của sinh viên. Nhà trường tin rằng sinh viên sẽ trở thành người hữu ích của xã hội, có ý thức phục vụ cộng đồng và thể hiện trách nhiệm của người trí thức thông qua việc học tập trải nghiệm để hình thành năng lực nghề nghiệp, khả năng nghiên cứu khoa học, lòng đam mê sáng tạo và sự tôn trọng đạo đức nghề nghiệp.

2. Mã trường: TDM

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu)

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Số 06, đường Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	67.435	30.007,2
2	Khác	Trường Đại học Thủ Dầu Một	P.Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	576.195	5.568

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

Fanpage: www.facebook.com/dhtdm2009

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

+ Địa chỉ: Số 06, đường Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

+ Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn>

+ Email: trungtam TUYENSINH@tdmu.edu.vn

+ Điện thoại: 0274.3835.677 - 0274.3844.340 – 0274.3844.341

+ Hotline: 19009171

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: [https://tdmu.edu.vn/hinh/thuvien/taptin/2021%20\(sau%206th\).pdf](https://tdmu.edu.vn/hinh/thuvien/taptin/2021%20(sau%206th).pdf)

- Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước năm tuyển sinh 1 năm.

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi
-----	-------------------------	----------	---------------------	----------------------------	------------------	---

						được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		350	331		
1.1	Giáo dục học	7140101	50	40	33	86,21%
1.2	Giáo dục Mầm non	7140201	100	103	87	92,31%
1.3	Giáo dục Tiểu học	7140202	100	92	87	97,92%
1.4	Sư phạm Ngữ văn	7140217	50	52	41	50,00%
1.5	Sư phạm Lịch sử	7140218	50	44	16	77,78%
2	Nghệ thuật		0	0	0	0
2.1	Thiết kế đồ họa	7210403	0	0	0	0
2.2	Âm nhạc	7210405	0	0	0	0
2.3	Mỹ thuật	7210407	0	0	0	0
3	Kinh doanh và quản lý		650	687		
3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	250	248	179	88,89%
3.2	Marketing	7340115	0	0		
3.3	Thương mại điện tử	7340122	0	0		
3.4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	150	152	100	67,21%
3.5	Kế toán	7340301	250	287	186	83,58%
3.6	Kiểm toán	7340302	0	0	0	0
3.7	Quản lý công	7340403	0	0	0	0
4	Pháp luật		350	381		
4.1	Luật	7380101	350	381	203	79,43%
5	Khoa học sự sống		0	0		
5.1	Công nghệ sinh học	7420201	0	0		
5.2	Sinh học ứng dụng	7420203	100	40	25	80,00%
6	Khoa học tự nhiên		350	184		
6.1	Hoá học	7440112	150	102	98	74,00%
6.2	Khoa học môi trường	7440301	125	54	39	81,82%
6.3	Vật lý học	7440102	75	28	19	77,78%
7	Toán và thống kê		80	84		
7.1	Toán học	7460101	80	84	40	78,26%
8	Máy tính và công nghệ thông tin		240	233		
8.1	Kỹ thuật phần mềm	7480103	120	140	47	81,48%
8.2	Hệ thống thông tin	7480104	120	93	34	82,86%
8.3	Công nghệ thông tin	7480201	0	0		
8.4	Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	7480205	0	0		
9	Công nghệ kỹ thuật		120	145		
9.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	0	0		

9.2	Quản lý công nghiệp	7510601	120	145	107	81,36%
9.3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	0	0		
10	Kỹ thuật		200	227		
10.1	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	0	0		
10.2	Kỹ thuật điện	7520201	200	227	61	85,00%
10.3	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	0	0		
10.4	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	0	0		
10.5	Kỹ thuật môi trường	7520320	0	0		
11	Sản xuất và chế biến		0	0		
11.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	0	0		
11.2	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	0	0		
12	Kiến trúc và xây dựng		260	155		
12.1	Kiến trúc	7580101	80	71	38	96,43%
12.2	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	80	5	1	100,00%
12.3	Kỹ thuật xây dựng	7580201	100	79	31	100,00%
13	Nhân văn		550	605		
13.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	350	361	155	95,60%
13.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	200	244	93	96,77%
13.3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	0	0		
13.4	Quản lý văn hoá	7229042	0	0		
14	Khoa học xã hội và hành vi		200	219		
14.1	Quản lý nhà nước	7310205	200	219	98	60,66%
14.2	Quan hệ quốc tế	7310206	0	0		
14.3	Tâm lý học	7310401	0	0		
15	Báo chí và thông tin		0	0		
15.1	Truyền thông đa phương tiện	7320104	0	0		
16	Dịch vụ xã hội		100	85		
16.1	Công tác xã hội	7760101	100	85	26	94,44%
17	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0		
17.1	Du lịch	7810101	0	0		
18	Môi trường và bảo vệ môi trường		225	201		
18.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	150	150	73	85,71%
18.2	Quản lý đất đai	7850103	75	51	25	94,12%
19	Địa lý		75	126	48	
19.1	Địa lý học	7310501	75	126	48	66,67%
	Tổng		3.850	3.703	1773	0

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

- Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/4186>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2022		x		- Phương thức 1: Xét học bạ: (có 02 hình thức): * Hình thức 1: Xét điểm trung bình chung 3 học kỳ (HK 1,2 lớp 11 và HK 1 lớp 12) theo tổ hợp môn; * Hình thức 2: Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn. - Phương thức 2: Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo tổ hợp môn. - Phương thức 3: Xét tuyển thẳng: (có 2 hình thức): * Hình thức 1: Thí sinh đạt học sinh giỏi 1 trong 3 năm (lớp 10, 11, 12) được tuyển thẳng; * Hình thức 2: Tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT. - Phương thức 4: Xét kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2022. Ghi chú: Các môn thi Năng khiếu do Trường Đại Thủ Dầu Một thi hoặc thí sinh sử dụng kết quả thi năng khiếu của trường đại học khác
2	Năm tuyển sinh 2021		x		- Phương thức 1: Xét học bạ: (có 02 hình thức): * Hình thức 1: Xét điểm trung bình chung 3 học kỳ (HK 1,2 lớp 11 và HK 1 lớp 12) theo tổ hợp môn; * Hình thức 2: Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn. - Phương thức 2: Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 theo tổ hợp môn. - Phương thức 3: Xét tuyển thẳng: (có 2 hình thức): * Hình thức 1: Thí sinh đạt học sinh giỏi 1 trong 3 năm (lớp 10, 11, 12) được tuyển thẳng; * Hình thức 2: Tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT. - Phương thức 4: Xét kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2021. Ghi chú: Các môn thi Năng khiếu do Trường Đại Thủ Dầu Một thi hoặc thí sinh sử dụng kết quả thi năng khiếu của trường đại học khác

8.2 Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

(Điểm Trúng tuyển và Tổ hợp xét tuyển của phương thức Xét điểm kỳ thi THPT)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022		
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển bằng phương thức THPT	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển bằng phương thức THPT
Khối ngành I							
Giáo dục Mầm non	7140201	211	46	19	50	24	20
Ngữ Văn, Toán, Năng khiếu	M00						
Giáo dục Tiểu học	7140202	360	199	25	100	100	25
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Giáo dục học	7140101	30	33	15	30	29	15
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội	C15						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân	C14						
Sư phạm Ngữ văn	7140217	65	156	19	60	54	24
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D14						
Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội	C15						
Sư phạm Lịch sử	7140218	40	33	19	15	15	24
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội	C15						
Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân	C14						
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Khối ngành II							
Thiết kế đồ họa	7210403	125	137	16	125	127	17
Toán, Vật lí, Vẽ Mỹ thuật	V00						
Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật	V01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						

Mỹ thuật	7210407	15	10	15	15	0	15.25
Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật	V01						
Toán, Địa Lý, Vẽ Mỹ thuật	V06						
Toán, Vật lí, Vẽ Mỹ thuật	V00						
Ngữ Văn, Vật Lý, Vẽ Mỹ thuật	V05						
Âm nhạc	7210405	20	17	15	20	8	16
Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu	M07						
Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu	M11						
Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	M05						
Ngữ văn, KHXH, Năng khiếu	M03						
Khối ngành III							
Luật	7380101	300	347	17.5	310	313	18.5
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân	C14						
Tài chính Ngân hàng	7340201	250	256	16.5	250	253	17
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Kế toán	7340301	250	287	17.5	250	252	19
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Marketing	7340115	0	0	0	25	25	23
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Kiểm toán	7340302	0	0	0	20	18	16.5
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						

Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Thương mại điện tử	7340122	0	0	0	25	24	18.5
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Quản trị kinh doanh	7340101	350	379	17.5	350	337	18.5
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Khối ngành IV							
Công nghệ sinh học	7420201	50	28	15	50	48	15
Toán, Hóa học, Sinh học	B00						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Vật lí, Sinh học	A02						
Toán, Sinh học, Tiếng Anh	B08						
Hóa học	7440112	80	19	15	50	0	16
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07						
Toán, Hóa học, Sinh học	B00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Khối ngành V							
Kỹ thuật điện	7520201	100	103	15	100	102	15.5
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Kỹ thuật xây dựng	7580201	80	84	15	70	67	15.5
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	15	13	15	0	0	0
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						

Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật	V01						
Toán, Vật lí, Vẽ Mỹ thuật	V00						
Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	180	195	18	180	172	18.5
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Hệ thống thông tin	7480104	22	25	15	0	0	0
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	90	99	15	90	89	16
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	7480205	10	7	15	10	0	16
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Kỹ thuật môi trường	7520320	15	16	15	15	0	15
Toán, Hóa học, Sinh học	B00						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Sinh học, Tiếng anh	B08						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Công nghệ thông tin	7480201	220	256	18	220	212	18
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Công nghệ thực phẩm	7540101	85	93	15	85	86	15.5
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						

Toán, Hóa học, Sinh học	B00						
Toán, Vật lí, Sinh học	A02						
Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	25	25	15	20	0	15
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	20	22	15	20	18	15.5
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Hóa học, Sinh học	B00						
Kỹ thuật phần mềm	7480103	100	115	15	100	97	16
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Kiến trúc	7580101	40	43	15	40	38	16
Toán, Vật lí, Vẽ Mỹ thuật	V00						
Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật	V01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Quản lý công nghiệp	7510601	140	158	15	140	139	16
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Toán học	7460101	35	37	15	30	28	15
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07						
Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	50	52	15	50	48	16
Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						

Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	190	222	17.5	180	183	19
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Khối ngành VI							
Khối ngành VII							
Quản lý đất đai	7850103	70	71	15	60	57	15.5
Toán, Hóa học, Sinh học	B00						
Toán, Sinh học, Khoa học xã hội	B05						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Quan hệ quốc tế	7310206	70	75	15	70	64	16
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	D78						
Ngôn ngữ Anh	7220201	360	411	17.5	370	295	18
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	D15						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	D78						
Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	55	60	18	60	61	19
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	D15						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	D78						
Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	60	66	15	60	61	15.5
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Hóa học, Sinh học	B00						
Toán, Sinh học, Khoa học xã hội	B05						
Toán, Vật lí, Hóa học	A00						
Du lịch	7810101	80	95	16.5	80	80	16

Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	D15						
Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	D78						
Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D14						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Công tác xã hội	7760101	40	41	15	40	28	15.5
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	D78						
Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D14						
Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân	C14						
Quản lý nhà nước	7310205	170	185	15.5	170	156	17
Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân	C14						
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Tâm lý học	7310401	60	64	15	60	61	15.5
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D14						
Toán, Hóa học, Sinh học	B00						
Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	310	366	17.5	310	303	18
Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	D78						
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	D04						
Truyền thông đa phương tiện	7320104	70	82	17	70	71	23
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	D09						
Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	V01						
Quản lý công	7340403	0	0	0	20	0	15
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01						
Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01						
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00						
Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội	C15						

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

- Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử

của CSĐT: <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/4186>

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

- Đường link công khai điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/4186>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:
<https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/4177>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo (thực hiện từ năm 2023) trên trang thông tin điện tử CSĐT:
<https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/4170>

13. Đường link công khai Quy định thi tuyển sinh môn năng khiếu (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:
<https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/4182>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:



II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (không giới hạn năm tốt nghiệp THPT)

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển) Xét tuyển:

Phương thức	Tên phương thức	Chỉ tiêu	Thời gian bắt đầu nhận hồ sơ ĐKXT
1	Xét học bạ (có 02 hình thức): * <i>Hình thức 1:</i> Xét điểm trung bình chung 3 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) theo tổ hợp môn; * <i>Hình thức 2:</i> Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn.	50% của tổng chỉ tiêu	Từ ngày 05/4/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023
2	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp môn.	30% của tổng chỉ tiêu	Từ ngày 10/7/2023 đến 17h00 ngày 30/7/2023
3	Xét tuyển thẳng (có 2 hình thức): * <i>Hình thức 1:</i> Thí sinh đạt học sinh giỏi 1 trong 3 năm (lớp 10, 11, 12) được xét tuyển thẳng; * <i>Hình thức 2:</i> Tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.	12% của tổng chỉ tiêu	* <i>Hình thức 1:</i> Từ ngày 05/4/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023 * <i>Hình thức 2:</i> Từ ngày có thông báo đến 17h00 ngày 30/6/2023
4	Xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2023.	8% của tổng chỉ tiêu	Từ ngày 05/4/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023

Riêng các ngành: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Ngữ văn chỉ sử dụng 1 phương thức tuyển sinh là “Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp môn”

* Lưu ý: Đối với các tổ hợp có môn năng khiếu. Đối với ngành có mã tổ hợp có môn năng khiếu thí sinh lựa chọn 1 trong 2 hình thức:

- **Hình thức 1:** Dự thi năng khiếu tại Trường đại học Thủ Dầu Một.

+ Thời gian thi: Dự kiến ngày 08/07/2023 (trường sẽ có thông báo cụ thể)

- **Hình thức 2:** Dự thi năng khiếu tại các trường đại học khác, lấy kết quả nộp về Trường đại học Thủ Dầu Một trước ngày 10/07/2023

+ Môn thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non: Hát; đọc kể chuyện diễn cảm

+ Môn thi năng khiếu ngành Kiến trúc, Thiết kế Đồ họa, Truyền thông đa phương tiện: Vẽ tĩnh vật (vẽ bằng bút chì)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh : Chỉ tiêu theo Ngành/ Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Tên ngành	Mã ngành	Mã phương thức XT	Tên phương thức XT	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Mã tổ hợp môn	Môn thi chính	Mã tổ hợp môn	Môn thi chính	Mã tổ hợp môn	Môn thi chính	Mã tổ hợp môn	Môn thi chính
1	Đại học	Giáo dục Mầm non	7140201	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	70	M00		M05		M07		M11	
2	Đại học	Giáo dục Tiểu học	7140202	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	150	A00		A16		C00		D01	
3	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	7140217	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	C00		C15		D01		D14	
4	Đại học	Thiết kế đồ họa	7210403	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	A00		D01		V00		V01	
5	Đại học	Thiết kế đồ họa	7210403	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	4	HSG							
6	Đại học	Thiết kế đồ họa	7210403	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	A00		D01		V00		V01	
7	Đại học	Thiết kế đồ họa	7210403	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực,	3	NL1							

[illegible]

ĐƯỜNG
BINH

30	Đại học	Tâm lý học	7310401	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	5	NL1										
31	Đại học	Tâm lý học	7310401	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	18	B08	C00	C14						D01		
32	Đại học	Quản trị kinh doanh	7340101	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	86	A00	A01	A16						D01		
33	Đại học	Quản trị kinh doanh	7340101	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	145	A00	A01	D01								
34	Đại học	Quản trị kinh doanh	7340101	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	35	HSG										
35	Đại học	Quản trị kinh doanh	7340101	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	23	NL1										
36	Đại học	Marketing	7340115	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2	NL1										
37	Đại học	Marketing	7340115	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	3	HSG										
38	Đại học	Marketing	7340115	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	8	A00	A01	A16						D01		
39	Đại học	Marketing	7340115	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	12	A00	A01	D01								
40	Đại học	Thương mại điện tử	7340122	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	8	A00	A01	D01						D07		

41	Đại học	Thương mại điện tử	7340122	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	12	A00	A01		D01	D07	
42	Đại học	Thương mại điện tử	7340122	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	3	HSG					
43	Đại học	Thương mại điện tử	7340122	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2	NL1					
44	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	7340201	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	64	A00	A01		A16	D01	
45	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	7340201	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	26	HSG					
46	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	7340201	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	17	NL1					
47	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	7340201	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	A00	A01		D01		
48	Đại học	Kế toán	7340301	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	97	A00	A01		D01		
49	Đại học	Kế toán	7340301	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	58	A00	A01		A16	D01	
50	Đại học	Kế toán	7340301	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	23	HSG					
51	Đại học	Kế toán	7340301	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	15	NL1					

52	Đại học	Kiểm toán	7340302	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	6	A00	A01	A16	D01	
53	Đại học	Kiểm toán	7340302	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	2	HSG				
54	Đại học	Kiểm toán	7340302	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	A00	A01	D01		
55	Đại học	Kiểm toán	7340302	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2	NL1				
56	Đại học	Luật	7380101	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	15	NL1				
57	Đại học	Luật	7380101	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	90	C00	C14	D01		
58	Đại học	Luật	7380101	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	55	A16	C00	C14	D01	
59	Đại học	Luật	7380101	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	22	HSG				
60	Đại học	Công nghệ sinh học	7420201	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	4	NL1				
61	Đại học	Công nghệ sinh học	7420201	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	15	A00	B00	B08	D01	
62	Đại học	Công nghệ sinh học	7420201	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	A00	B00	B08	D01	

63	Đại học	Công nghệ sinh học	7420201	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	6	HSG										
64	Đại học	Hóa học	7440112	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	15	A00	A16	B00							D07	
65	Đại học	Hóa học	7440112	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	4	NL1										
66	Đại học	Hóa học	7440112	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	A00	B00	D07								
67	Đại học	Hóa học	7440112	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	6	HSG										
68	Đại học	Toán học	7460101	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	9	A00	A01	A16							D07	
69	Đại học	Toán học	7460101	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	4	HSG										
70	Đại học	Toán học	7460101	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	A00	A01	D07								
71	Đại học	Toán học	7460101	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2	NL1										
72	Đại học	Kỹ thuật phần mềm	7480103	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	17	A00	A01	C01							D90	
73	Đại học	Kỹ thuật phần mềm	7480103	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	4	NL1										



74	Đại học	Kỹ thuật phần mềm	7480103	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	7	HSG							
75	Đại học	Kỹ thuật phần mềm	7480103	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	27	A00	A01				C01		
76	Đại học	Công nghệ thông tin	7480201	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	66	A00	A01				C01	D90	
77	Đại học	Công nghệ thông tin	7480201	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	110	A00	A01				C01		
78	Đại học	Công nghệ thông tin	7480201	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	26	HSG							
79	Đại học	Công nghệ thông tin	7480201	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	18	NL1							
80	Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	13	HSG							
81	Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	33	A00	A01				D01	D90	
82	Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	55	A00	A01				D01		
83	Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	9	NL1							
84	Đại học	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	68	A00	A01				D01		
85	Đại học	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét	11	NL1							

[illegible]

[illegible]



[illegible]

130	Đại học	Quản lý đất đai	7850103	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	8	HSG										
131	Đại học	Quản lý đất đai	7850103	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	6	NL1										
132	Đại học	Quản lý công nghiệp	7510601		Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	16	A00	A01					C01			A16	
133	Đại học	Quản lý công nghiệp	7510601		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	27	A00	A01					C01				
134	Đại học	Quản lý công nghiệp	7510601		Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	6	HSG										
135	Đại học	Quản lý công nghiệp	7510601		Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	5	NL1										
136	Đại học	Truyền thông đa phương tiện	7320104		Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	21	C00	D01					D09			V01	
2	Đại học	Truyền thông đa phương tiện	7320104		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	35	C00	D01					D09			V01	
137	Đại học	Truyền thông đa phương tiện	7320104		Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDT	8	HSG										
138	Đại học	Truyền thông đa phương tiện	7320104		Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	4	NL1										
					Tổng:	3.405											

Lưu ý:

- + Đối với xét tuyển sớm, thí sinh cần đăng ký đúng thời gian của Trường quy định, nếu thí sinh đăng ký ngoài thời gian theo quy định thì kết quả đăng ký không hợp lệ.
- + Kết quả trúng tuyển sớm sẽ được Trường đại học Thủ Dầu Một thông báo vào số điện thoại mà thí sinh đã đăng ký trên hồ sơ.
- + Trước 17h00 ngày 08/7/2023 Trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ đưa lên hệ thống của Bộ GD&ĐT tất cả các thí sinh trúng tuyển sớm để thí sinh chủ động lựa chọn thứ tự nguyện vọng ĐKXT. Thí sinh đã được Trường thông báo trúng tuyển sớm phải tiếp tục đăng ký NVXT trên Hệ thống Bộ GD&ĐT để được xét tuyển và công nhận trúng tuyển chính thức theo quy định.
- + Kết quả trúng tuyển sớm chỉ được công nhận chính thức khi: thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp THPT, có đặt nguyện vọng ĐKXT trên Hệ thống vào ngành mà thí sinh đủ điều kiện và được công nhận trúng tuyển trên hệ thống của Bộ GD&ĐT.
- + Thí sinh tự do (thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ 2022 trở về trước): Cần đăng ký để được cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển, thời gian đăng ký cấp tài khoản từ ngày 15/6 đến ngày 20/7/2023 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi thí sinh đang ở.

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**1.5.1. Ngưỡng đảm bảo đầu vào đối với các phương thức xét tuyển sớm.**

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển học bạ	Điểm sản nhận hồ sơ xét học bạ	Điểm sản nhận hồ sơ xét điểm thi ĐGNL
1	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01	18	550
2	Marketing	7340115	A00, A01, D01	15	550
3	Kế toán	7340301	A00, A01, D01	18	550
4	Kiểm toán	7340302	A00, A01, D01	15	550
5	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D07	15	550
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01	15	550
7	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01	18	550
8	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01	18	550
9	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01	15	550
10	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01	15	550
11	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01	15	550
12	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01	15	550

13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01	18	550
14	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01	15	550
15	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00	15	550
16	Du lịch	7810101	D01, D14, D15	15	550
17	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01, D15	18	550
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01	18	550
19	Luật	7380101	C14, C00, D01	18	550
20	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01	15	550
21	Quan hệ quốc tế	7310206	A00, C00, D01	15	550
22	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	15	550
23	Công nghệ Sinh học + Chuyên ngành 1: Công nghệ sinh học công nghiệp thực phẩm + Chuyên ngành 2: Công nghệ sinh học nông nghiệp	7420201	A00, D01, B00, B08	15	550
24	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19	15	550
25	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08	15	550
26	Hóa học + Chuyên ngành 1: Hóa thực phẩm + Chuyên ngành 2: Hóa phân tích	7440112	A00, B00, D07	15	550
27	Toán học	7460101	A00, A01, D07	15	550
28	Thiết kế đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01	15	550
29	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08	15	550
30	Quản lý đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08	15	550
31	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00, D01, B00, B08	15	550
32	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, A01, D15	18	550
33	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D09, V01	18	550
34	Quản lý công nghiệp	7510601	A00, A01, C01	15	550

Thí sinh có tổng điểm cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng hoặc cao hơn mức điểm sàn của Trường công bố tại mục 1.5.1 là đủ điều kiện nộp hồ



sơ ĐKXT.

1.5.2. Ngưỡng đảm bảo đầu vào đối với các phương thức xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp môn:
 Các ngành đào tạo giáo viên theo quy định của Bộ GD&ĐT, các ngành còn lại nhà trường sẽ thông báo cụ thể sau khi Bộ GD&ĐT công bố kết quả kỳ thi THPT.

1.5.3. Điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành của từng phương thức tuyển sinh, kết thúc thời gian ĐKXT căn cứ vào số lượng hồ sơ của thí sinh đã nộp của từng ngành/từng phương thức tuyển sinh. Trường sẽ xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

a. Các ngành tuyển sinh năm 2023

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Đạt chuẩn kiểm định	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
1	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, A16	AUN-QA, UPM	289	
2	Marketing	7340115	A00, A01, D01, A16		25	
3	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, A16	AUN-QA	193	
4	Kiểm toán	7340302	A00, A01, D01, A16		20	
5	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D07		25	
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, A16	AUN-QA	213	
7	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D90		136	
8	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01, D90		220	
9	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01, D90	AUN-QA	55	
10	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01, D90	AUN-QA	100	
11	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01, D90		90	
12	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01, D90		50	
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, D90		110	
14	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01, D90	MOET, UPM	80	
15	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00, A16	MOET	50	
16	Du lịch	7810101	D01, D14, D15, D78		80	
17	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01, D15, D78	MOET	239	

18	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, D78	MOET	42	
19	Luật	7380101	C14, C00, D01, A16	MOET	182	
20	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01, A16	MOET	170	
21	Quan hệ quốc tế	7310206	A00, C00, D01, D78		70	
22	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	MOET, UPM	70	
23	Công nghệ Sinh học + Chuyên ngành 1: Công nghệ sinh học công nghiệp thực phẩm + Chuyên ngành 2: Công nghệ sinh học nông nghiệp	7420201	A00, D01, B00, B08		50	
24	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19, C15	MOET	40	
25	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08		60	
26	Hóa học + Chuyên ngành 1: Hóa thực phẩm + Chuyên ngành 2: Hóa phân tích	7440112	A00, B00, D07, A16	AUN-QA	50	
27	Toán học	7460101	A00, A01, D07, A16		30	
28	Thiết kế đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01		32	
29	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08		85	
30	Quản lý đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08		70	
31	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00, D01, B00, B08		15	
32	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, A01, D15, D78		60	
33	Quản lý Công nghiệp	7510601	A00, A01, C01, A16	MOET	54	
34	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D09, V01		70	
35	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, C00, D01, A16	MOET	150	Chi xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023
36	Giáo dục Mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11	MOET	70	
37	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	C00, D01, D14, C15	MOET	60	

BẢNG MÃ TỔ HỢP

Mã	Tên môn tổ hợp
A00	Toán, Vật lý, Hóa học
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh

Mã	Tên môn tổ hợp
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh

A02	Toán, Vật lí, Sinh học
A16	Toán, Ngữ văn, Khoa học Tự nhiên
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội
C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh

b. Đối với phương thức xét học bạ không áp dụng xét các tổ hợp sau:

Mã	Tên môn tổ hợp
A16	Toán, Ngữ văn, Khoa học Tự nhiên
C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội

c. Quy định chênh lệch giữa các tổ hợp môn: Không quy định.

d. Điều kiện phụ trong xét tuyển: Trong trường hợp có nhiều thí sinh trúng tuyển hơn chỉ tiêu của ngành theo quy định, thì sử dụng tiêu chí phụ là xét trúng tuyển theo kết quả môn Toán (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Toán), môn Ngữ văn (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Ngữ văn) và môn Toán (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Toán và Ngữ văn) từ cao xuống cho đến đủ chỉ tiêu.

e. Có sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ: Nếu thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì thí sinh được Trường Đại học Thủ Dầu Một tính 10 điểm vào môn ngoại ngữ của các tổ hợp có môn ngoại ngữ.

f. Sử dụng điểm bảo lưu: Không sử dụng điểm bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước

h. Quy định về điểm ưu tiên:

- Điểm ưu tiên là mức điểm được cộng thêm vào tổng điểm thực tế của thí sinh khi tham gia xét tuyển. Có 2 loại điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT là điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng.

Bảng 1:

ĐIỂM ĐƯỢC CỘNG CHO PHƯƠNG THỨC		ĐIỂM KHU VỰC			ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG	
		KV1	KV2-NT	KV2	KV3	01 - 04

D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
D78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học xã hội
D90	Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên
M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
M05	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu
M07	Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu
M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
V00	Toán, Vật lí, Năng khiếu
V01	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu

Mã	Tên môn tổ hợp
D78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học xã hội
D90	Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên

Xét điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT	0,75	0,5	0,25	0	2	1
Xét học bạ	0,75	0,5	0,25	0	2	1
Xét điểm thi ĐGNL	30	20	10	0	80	40
Tuyển thẳng học sinh giỏi	0,25	0,17	0,08	0	0,67	0,33

- Quy định của Bộ GD&ĐT về hướng chính sách ưu tiên

- + Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại mục h bảng 1 này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.
- + Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.
- + Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định mục h bảng 1}$
- + Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 900 trở lên (Thang điểm 1200 (Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM)) được xác định theo công thức sau: $\text{Điểm ưu tiên} = [(1200 - \text{Tổng điểm đạt được})/300] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại mục h bảng 1}$
- + Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 8 trở lên (Thang điểm 10 (Tuyển thẳng học sinh giỏi một trong 3 năm lớp 10, lớp 11, lớp 12)) được xác định theo công thức sau: $\text{Điểm ưu tiên} = [(10 - \text{Tổng điểm đạt được})/2] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại mục bảng 1}$

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

1.7.1. Thời gian nhận và hình thức nộp hồ sơ ĐKXT:

Phương thức	Tên phương thức	Thời gian bắt đầu nhận hồ sơ ĐKXT	Hình thức nhận hồ sơ	Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT
1	Xét học bạ (có 02 hình thức): * <i>Hình thức 1:</i> Xét điểm trung bình chung 3 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) theo tổ hợp môn; * <i>Hình thức 2:</i> Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn	Thời gian bắt đầu nhận hồ sơ ĐKXT - Ngày bắt đầu: 05/4/2023 - Ngày kết thúc: 30/6/2023 - Ngày công bố kết quả: 05/07/2023	Thí sinh lựa chọn một trong hai cách thức sau: + Cách 1: Đăng ký bằng phiếu ĐKXT (có thể nộp trực tiếp tại Trường ĐH Thủ Dầu Một hoặc chuyển phiếu ĐKXT qua đường bưu điện) - Hồ sơ bao gồm: + Phiếu đăng ký xét tuyển (Theo mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một) + Chứng minh nhân dân: 01 bản photocopy (không cần công chứng).	+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương từ năm 2022 trở về trước (không giới hạn năm tốt nghiệp THPT); + Thí sinh đang học lớp 12 các trường THPT hoặc tương + Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ giáo dục & Đào tạo và Trường đại học Thủ Dầu Một quy định.

				+ Cách 2: Đăng ký online http://dkxt.tdmu.edu.vn (không yêu cầu nộp hồ sơ)	
2	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp môn	Theo quy định của Bộ GD&ĐT		Theo quy định của Bộ GD&ĐT	Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ giáo dục & Đào tạo và Trường đại học Thủ Dầu Một quy định
3	Xét tuyển thẳng (có 2 hình thức): * <i>Hình thức 1</i> : Thí sinh đạt học sinh giỏi 1 trong 3 năm (lớp 10, 11 hoặc 12) được xét tuyển thẳng; * <i>Hình thức 2</i> : Tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.	<i>Hình thức 1</i> -Ngày bắt đầu: 05/4/2023 -Ngày kết thúc: 30/6/2023 -Ngày công bố kết quả: 05/07/2023 <i>Hình thức 2</i> Theo quy định của Bộ GD&ĐT	*Hình thức 1: Thí sinh lựa chọn một trong hai cách thức sau: + Cách 1: Đăng ký bằng phiếu ĐKXT (có hạn chế nộp trực tiếp tại Trường ĐH Thủ Dầu Một hoặc chuyển phiếu ĐKXT qua đường bưu điện) - Hồ sơ bao gồm: + Phiếu đăng ký xét tuyển (Theo mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một) + Chứng minh nhân dân: 01 bản photocopy (không cần công chứng). + Cách 2: Đăng ký online http://dkxt.tdmu.edu.vn (không yêu cầu nộp hồ sơ) *Hình thức 2: Theo quy định của Bộ GD&ĐT	*Hình thức 1: + Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương từ năm 2022 trở về trước (không giới hạn năm tốt nghiệp THPT); + Thí sinh đang học lớp 12 các trường THPT hoặc tương + Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ giáo dục & Đào tạo và Trường đại học Thủ Dầu Một quy định. *Hình thức 2: Theo quy định của Bộ GD&ĐT	
4	Xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2023.	-Ngày bắt đầu: 05/4/2023 -Ngày kết thúc: 30/6/2023 -Ngày công bố kết quả: 05/07/2023	Thí sinh lựa chọn một trong hai cách thức sau: + Cách 1: Đăng ký bằng phiếu ĐKXT (có hạn chế nộp trực tiếp tại Trường ĐH Thủ Dầu Một hoặc chuyển phiếu ĐKXT qua đường bưu điện) - Hồ sơ bao gồm:	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương từ năm 2022 trở về trước (không giới hạn năm tốt nghiệp THPT); + Thí sinh đang học lớp 12 các trường THPT hoặc tương + Có điểm kỳ thi ĐGNL của ĐHQG-HCM năm 2023	

		+ Phiếu đăng ký xét tuyển (Theo mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một) + Chứng minh nhân dân: 01 bản photocopy (không cần công chứng). + Cách 2: Đăng ký online http://dkxt.tdmu.edu.vn (không yêu cầu nộp hồ sơ) + Cách 3: Đăng ký online qua hệ thống đăng ký xét tuyển bằng kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM tại địa chỉ: https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn (thời gian đăng ký theo quy định của ĐHQG-HCM)	+ Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ giáo dục Đào tạo và trường đại học Thủ Dầu Một quy định
--	--	--	---

1.7.2. Tổ chức thi các môn năng khiếu

Stt	Ngành	Mã tổ hợp môn	Môn thi năng khiếu
1	Giáo dục Mầm non	M00, M05, M07, M11	Hát; Đọc kể chuyện diễn cảm
2	Kiến trúc, Thiết kế Đồ họa, Truyền thông đa phương tiện	V00, V01	Vẽ tĩnh vật (vẽ bằng viết chì)

- Đối với ngành có mã tổ hợp có môn năng khiếu, thí sinh lựa chọn 1 trong 2 hình thức:

+ Hình thức 1: Dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

- Thời gian thi năng khiếu: Ngày 08/7/2023 (Trường sẽ có thông báo cụ thể)

- Thời gian nộp hồ sơ thi năng khiếu: Từ ngày thông báo đến 30/6/2023

- Hình thức nộp hồ sơ thi năng khiếu: thí sinh lựa chọn một trong hai cách sau:

+ Cách 1: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh, Trường đại học Thủ Dầu Một

+ Cách 2: Đăng ký online tại địa chỉ: <https://t.ly/nmPO>

- Hồ sơ thi năng khiếu bao gồm:

+ Phiếu đăng ký dự thi: (theo mẫu đính kèm của Trường đại học Thủ Dầu Một);

+ 01 bản photocopy giấy CMND hoặc CCCD (không cần công chứng);

+ Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh

- Hình thức 2: Trường Đại học chấp nhận kết quả thi năng khiếu của trường đại học khác. Đối với các thí sinh dự thi năng khiếu tại các trường đại học

khác, khi nộp hồ sơ ĐKXT phải nộp thêm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu của Trường mà thí sinh đã dự thi năng khiếu, phù hợp với tổ hợp xét tuyển về trường đại học Thủ Dầu Một đúng thời gian quy định.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

- Trường Đại học Thủ Dầu Một thực hiện Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển theo đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

- Lệ phí ĐKXT các phương thức khác: 30.000đ/1 nguyện vọng
- Lệ phí ĐKXT phương thức xét điểm thi THPT: Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT
- Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Stt	Khối ngành	Mức thu đối với chương trình giảng dạy tiếng Việt (đồng/tín chỉ/sinh viên)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên,	625.000
2	Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	625.000
3	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật.	600.000
4	Khoa học tự nhiên	675.000
5	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	725.000
6	Các học phần Kiến thức chung	600.000

1.11. Thời gian sự kiện tuyển sinh các đợt trong năm.

- Đợt 1: Từ ngày 05/4/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023
- Dự kiến đợt bổ sung : Từ 07/9/2023 đến 17h00 ngày 15/9/2023

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm các thông tin đã kê khai trong phiếu ĐKXT
- Nhà trường sẽ đối chiếu lại điểm mà thí sinh đã kê khai trong Phiếu ĐKXT với học bạ. Trường sẽ hủy kết quả trúng tuyển nếu thí sinh kê khai điểm,

khu vực, đối tượng ưu tiên trong Phiếu DKXT không đúng

- Mỗi thí sinh chỉ được làm thủ tục nhập học một lần. Nhà trường không giải quyết việc rút lại hồ sơ, học phí và lệ phí sau khi thí sinh đã nhập học.
- Nhà trường cam kết tiếp nhận các phản ánh và giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại của thí sinh trong công tác tuyển sinh theo nguyên tắc bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

Stt	Tên công ty, doanh nghiệp	Nội dung hợp tác
1	TRƯỜNG ĐOÀN LÝ TỰ TRỌNG	Phối hợp đào tạo ngành Quản lý công 1. Xem xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học; xây dựng và triển khai tuyển sinh chương trình đào tạo song bằng giữa hai Bên; 2. Hợp tác trong các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo như: tham gia xây dựng mới, điều chỉnh, thẩm định chương trình đào tạo; 3. Hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ quản lý; 4. Hợp tác trong nghiên cứu khoa học bao gồm các hoạt động phối hợp triển khai nghiên cứu, phối hợp thực hiện các dịch vụ tư vấn, nghiên cứu; phối hợp tổ chức hội thảo, tọa đàm, viết bài và tham dự hội thảo, tọa đàm do mỗi Bên tổ chức; phối hợp trong công tác xuất bản học liệu, tạp chí và viết bài cho các xuất bản phẩm; 5. Hợp tác chia sẻ kinh nghiệm quản lý Nhà trường; quảng bá hình ảnh của mỗi Bên; tuyên truyền, giới thiệu, phổ biến các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đến các sinh viên và học viên; 6. Hợp tác giới thiệu các đối tác nước ngoài để thúc đẩy hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. 7. Hợp tác cùng tham gia các dự án quốc tế; 8. Hợp tác trong hoạt động trao đổi sinh viên, thực tập sinh, học viên, giảng viên; 9. Hợp tác cùng nhau thực hiện các công việc phục vụ cộng đồng, phục vụ xã hội; 10. Các hoạt động hợp tác khác phù hợp với nhu cầu và khả năng của hai bên.
2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	



3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG	Hai bên hợp tác và hỗ trợ nhau trong công tác xây dựng và phát triển chương trình đào tạo khối ngành văn hóa, nghệ thuật; trao đổi, chia sẻ chương trình, giáo trình, tài liệu, kinh nghiệm về phương pháp dạy học và những thành tựu mới nhất về đào tạo; giới thiệu chuyên gia, giảng viên có kinh nghiệm tham gia giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm thực tế cho các bên. Thực hiện trao đổi giảng viên, sinh viên trên các lĩnh vực về đào tạo, biểu diễn nghệ thuật và nghiên cứu âm nhạc, mỹ thuật, văn hóa. Trao đổi thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học, hình thành các nhóm nghiên cứu có sự tham gia của giảng viên, nhà khoa học của hai bên; hợp tác nghiên cứu các Đề tài khoa học về văn hóa nghệ thuật cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước; phối hợp tổ chức các hội thảo, hội nghị về giáo dục đào tạo, văn hóa nghệ thuật, biểu diễn nghệ thuật cấp quốc gia và quốc tế. Phối hợp tập huấn, bồi dưỡng cho giảng viên, sinh viên trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và các lĩnh vực khác là thế mạnh của hai đơn vị như: kỹ thuật phòng thu, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng; âm nhạc đại chúng, ban nhạc; kỹ thuật biểu diễn thanh nhạc thuộc phong cách nhạc nhẹ, thính phòng, dân gian, thực hành biểu diễn; chuyển đổi số và các phần mềm chuyên dụng... Phối hợp trong xây dựng các chương trình nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật của hai trường. Tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau trong việc tổ chức các sự kiện văn hóa; tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của hai Trường trên các phương tiện thông tin truyền thông phù hợp với tính chất, mục đích của từng chương trình, hoạt động cụ thể.
4	CÔNG TY CỔ PHẦN CAREER BUILDER	Triển khai hệ thống giải pháp University Network
5	CÔNG TY TNHH BÊN VIÊN ĐA KHOA PHƯƠNG CHI	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác xây dựng trung tâm xét nghiệm y khoa
6	CÔNG TY TNHH LF LOGISTICS VIỆT NAM	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
7	CÔNG TY TNHH TỬ BẾP EXCELLENT	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ATALINK	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH

8		3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
9	CÔNG TY CỔ PHẦN CLEARWATER METAL VN	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
10	CÔNG TY CỔ PHẦN Y KHOA TRÍ VIỆT	Điều hành hoạt động phòng khám đa khoa và nhà thuốc Đại học Thủ Dầu Một
11	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và phục vụ cộng đồng 2. Hợp tác NCKH
12	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và phục vụ cộng đồng 2. Hợp tác NCKH
13	PHẦN VIỆN CHĂN NUÔI NAM BỘ	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
14	TẬP CHÍ DOANH NHÂN SÀI GÒN	Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và khởi nghiệp
15	TRUNG TÂM XÚC TIẾN DU LỊCH BÌNH DƯƠNG	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác định hướng nghề nghiệp, thực tập sinh viên 3.. Hợp tác NCKH 4. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
16	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	1. Hai bên hợp tác và hỗ trợ nhau trong công tác tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực và cung cấp các giải pháp để cơ quan nhà nước, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương thực hiện chuyển đổi số. 2. Hợp tác nghiên cứu - ứng dụng - chuyển giao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số. 3. Phối hợp tổ chức đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, đặc biệt là việc đào tạo và cấp ứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực chuyên ngành mà xã hội đang cần. 4. Hợp tác thành lập Trung tâm phát triển phần mềm đặt tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.
	CÔNG TY TNHH GIAO HÀNG	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

17	FLEX SPEED (Lazada)	2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
18	CÔNG TY TNHH IN ÁN, TEM NHÃN VÀ BAO BÌ LIÊN NHÃU	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
19	THE MIRA HOTEL	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
20	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG SINH	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
21	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ ĐẤT XANH MIỀN ĐÔNG	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
22	CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TÀI ĐỨC VIỆT	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
23	NGÂN HÀNG TMCP BÀN VIỆT	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
24	CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS CEN SÀI GÒN	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
25	CÔNG TY CP GOOD DAY HOSPITALITY (MCDONALD'S VIỆT NAM)	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
26	NGÂN HÀNG QUỐC TẾ VIB	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ

27	TRƯỜNG VIỆT ANH 2	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
28	NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG Á – CHI NHÁNH THUẬN AN	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
29	CTY TNHH TA2	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
30	CÔNG TY CỔ PHẦN GREEN TECH VIỆT NAM	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
31	CÔNG TY TNHH POWER GREEN GROUP VIỆT NAM	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
32	CÔNG TY CP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TOÀN NHÀ PMC	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
33	CÔNG TY TNHH MTV ẮC QUY MINH TÂN	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
34	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
35	CO.OPMART BÌNH DƯƠNG 2	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ

36	TRUNG TÂM ĐỨC MINH	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
37	CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
38	CÔNG TY IKEDA NEJI VIETNAM	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
39	CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG KIẾN TRÚC XANH THIÊN BẢO	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
40	CÔNG TY CỔ PHẦN CHUYÊN PHÁT NHANH MUÔN PHƯƠNG	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
41	CÔNG TY TNHH R-PAC VIỆT NAM	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
42	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC SHOWLAND	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
43	CÔNG TY SUNGSHIN A	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
44	NGÂN HÀNG TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM- CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG NEW CITY	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ

45	CÔNG TY GOLDEN GATE	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
46	TẬP ĐOÀN VAST GROUP	Hợp tác đào tạo, nghiên cứu, hỗ trợ và phục vụ cộng đồng
47	CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY 3C	1. Chia sẻ tri thức, trao đổi kinh nghiệm, thông qua các chương trình hội thảo, sự kiện 2. Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, các dự án NCKH công nghệ 3. Hợp tác giảng dạy theo yêu cầu
48	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	Hợp tác xây dựng mạng lưới các chuyên gia nghiên cứu, hoạch định chính sách trong nước và quốc tế để phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học do hai bên cùng đề xuất. - Hợp tác nghiên cứu khoa học, tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học, hình thành các nhóm nghiên cứu có sự tham gia của giảng viên, nhà khoa học của hai bên hợp tác ứng dụng, chuyên giao khoa học công nghệ nhằm phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh ứng dụng thành quả nghiên cứu và tiến bộ công nghệ nhằm góp phần vào phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trong khu vực và cả nước. - Trao đổi thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học; xuất bản các tư liệu, ấn phẩm, tài liệu khoa học trên các Tạp chí khoa học, chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học của cả hai bên. - Chia sẻ, tạo điều kiện để cùng nhau sử dụng, khai thác hệ thống dữ liệu, thư viện, các thiết bị thí nghiệm thực nh, mô hình mô phỏng... một cách hiệu quả; - Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển; thực hiện trao đổi giảng viên, sinh viên giữa Trường Đại học Thủ Dầu Một và các trường thành viên của Đại học Thái Nguyên. - Trường Đại học Thủ Dầu Một và các trường thành viên của Đại học Thái Nguyên công nhận kết quả các môn học tương đương thuộc chương trình đào tạo của nhau mà đã được kiểm định theo chuẩn quốc gia, chuẩn AUN-QA hoặc chưa được kiểm định nhưng tương đương về số lượng tin chỉ và chuẩn đầu ra.
49	CÔNG TY TNHH HITACHI SYSTEM VIỆT NAM	Khai thác kiến thức kinh nghiệm trong việc cung cấp công nghệ trong lĩnh vực Cách mạng công nghệ lần thứ 4, Phát triển phòng thí nghiệm Công nghiệp số ứng dụng công nghệ 4.0

50	KHÁCH SẠN BCONS BÌNH DƯƠNG	Thúc đẩy các hoạt động hợp tác trao đổi, học thuật, nghiên cứu, triển khai các chương trình đào tạo ngành du lịch
51	CÔNG TY TNHH CNSH SÀI GÒN XANH - TRIBAT	a) Cung cấp địa điểm và hỗ trợ cơ bản (dụng cụ lao động, phòng thí nghiệm –nếu có) cho sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một thực hiện đề tài (báo cáo) tốt nghiệp theo đề cương đã được thống nhất giữa hai bên. b) Tham gia giảng dạy, đánh giá sinh viên theo kế hoạch và thư mời của Chương trình Khoa học Môi trường, Chương trình Quản lý Tài nguyên và Môi trường và các khoa liên quan thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một c) Phối hợp cùng Trường Đại học Thủ Dầu Một trong các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ và hợp tác trong các lĩnh vực hai bên cùng quan tâm hoặc có thể mạnh. d) Định kỳ trao đổi các thông tin, học thuật mới hai bên cùng quan tâm. 2. Bên B: a) Phối hợp với Công ty TNHH CNSH SG Xanh lập hoạch cho sinh viên thực hiện đề tài (báo cáo) tốt nghiệp tại Công ty. b) Phối hợp với Công ty TNHH Công Nghệ Sinh Học Sài Gòn Xanh lập kế hoạch mời cán bộ của Công ty tham gia giảng dạy, đánh giá sinh viên ở các học phần phù hợp. c) Cùng phối hợp trong các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ và hợp tác trong các lĩnh vực hai bên cùng quan tâm hoặc có thể mạnh. d) Định kỳ trao đổi các thông tin học thuật mới hai bên cùng quan tâm.
52	CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA	Tham gia trang thông tin điện tử "Tập chí khoa học Việt Nam trực tuyến"
53	VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN LOGISTICS VIỆT NAM	1. Hợp tác trong NCKH 2. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 3. Hợp tác trong tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học và cung cấp trao đổi thông tin KHCN
54	CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CHUỖI CUNG ỨNG SMARTLOG	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ
55	NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HCM (HDBANK)	1. Hợp tác trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2. Hợp tác NCKH 3. Hợp tác trong công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm dịch vụ



1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không tái các quy định hiện hành).
Theo quy định hiện hành của các cơ quan có thẩm quyền

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/ năm của trường: 360.094.845.691 đồng

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/ năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 15.500.000 đồng

1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): không có

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên (không tuyển sinh)

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học: (Mẫu số 01)

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển;

Tuyển sinh bằng phương thức xét học bạ. Thí sinh chọn 1 trong 3 hình thức sau để đăng ký xét tuyển:

- Hình thức 1: Xét điểm trung bình môn cả năm lớp 12 theo tổ hợp 03 môn. Yêu cầu: tổng điểm 03 môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) phải đạt từ 15 điểm trở lên.

- Hình thức 2: Xét điểm trung bình chung cả năm lớp 12. Yêu cầu: điểm cả năm lớp 12 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) phải đạt từ 5.0 trở lên.

- Hình thức 3: Xét tuyển thẳng học sinh giỏi cả năm lớp 10, lớp 11 hoặc lớp 12.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: *Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

ST T	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Trình độ đại học	7380101-21	Luật	200	Xét học bạ	50	5646/QĐ- BGDĐT	20/12/2012	Bộ GD&ĐT	2012
2	Trình độ đại học	7220201-21	Ngôn ngữ Anh	200	Xét học bạ	30	1175/QĐ- BGDĐT	29/03/2010	Bộ GD&ĐT	2010
3	Trình độ đại học	7340101-21	Quản trị Kinh doanh	200	Xét học bạ	40	1175/QĐ- BGDĐT	29/03/2010	Bộ GD&ĐT	2010
4	Trình độ đại học	7310205-21	Quản lý nhà nước	200	Xét học bạ	20	1270/QĐ-BGDĐT	20/04/2016	Bộ GD&ĐT	2016
5	Trình độ đại học	7340301-21	Kế toán	200	Xét học bạ	30	1175/QĐ- BGDĐT	29/03/2010	Bộ GD&ĐT	2010
6	Trình độ đại học	7140201-21	Giáo dục mầm non	200	Xét học bạ	20	3160/QĐ-BGDĐT	21/08/2012	Bộ GD&ĐT	2012

1.5. Ngưỡng đầu vào

- Hình thức 1: Xét điểm cả năm lớp 12 theo tổ hợp môn. Tổng điểm 3 môn xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có) phải đạt từ 15 điểm trở lên)
- Hình thức 2: Xét điểm trung bình chung (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 cộng điểm ưu tiên (nếu có) phải đạt từ 5.0 trở lên.
- Hình thức 3: Đạt xếp loại học lực loại giỏi cả năm lớp 10, 11 hoặc 12.
- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- Đối với ngành **Giáo dục Mầm non**: thí sinh phải thi năng khiếu, và phải đạt tiêu chí học lực lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên (theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT).
- Môn năng khiếu nhà trường sẽ thông báo thời gian sơ tuyển sau khi hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Thông tin trường:
- + Tên trường: Đại học Thủ Dầu Một
- + Mã trường: TDM
- + Loại hình trường : Đại học công lập (đa ngành)
- + Website: www.tuyensinh.tdmu.edu.vn
- + Email: trungamtuyensinh@tdmu.edu.vn
- + Địa chỉ: số 6, đường Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- + Điện thoại: (0274) 3835677 - (0274) 3844340 - (0274) 3844341
- Các ngành tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển:

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến
1	Luật	7380101	C14, C00, D01	50
2	Ngôn ngữ Anh	7220202	A01, D01, D15	30
3	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01	40
4	Kế toán	7340302	A00, A01, D01	30
5	Giáo dục mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11	20
6	Quản lý nhà nước	7310205	C14, C00, D01	20

BẢNG MÃ TỔ HỢP

Mã tổ hợp	Các môn học trong tổ hợp	Mã tổ hợp	Các môn học trong tổ hợp
A00	Toán, Vật lý, Hóa học	D04	Toán, Ngữ văn, Tiếng Hoa

11/ 8/2022

A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý	M05	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu
C14	Toán, Ngữ Văn, GD&CD	M07	Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu

- Chỉ tiêu: theo từng ngành nghề.
- Quy định chênh lệch giữa các tổ hợp môn: Không quy định.
- Điều kiện phụ trong xét tuyển: Trong trường hợp có nhiều thí sinh trúng tuyển hơn chỉ tiêu của ngành theo quy định, thì sử dụng tiêu chí phụ là xét trúng tuyển theo kết quả môn Toán (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Toán), môn Ngữ văn (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Ngữ văn) và môn Toán (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Toán và Ngữ văn) từ cao xuống cho đến đủ chỉ tiêu.
- 1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển; tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...**

1.7.1. Thời gian:

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2023. Công bố kết quả ngày 11/08/2023. Nhập học ngày 16/8/2023 đến 09/9/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ ngày 12/8 đến ngày 15/11/2023. Công bố kết quả ngày 28/11/2023. Nhập học ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023.

1.7.2. Hình thức nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một. Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- 1.7.3. Hồ sơ đăng ký bao gồm:
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Căn cước công dân của thí sinh (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (*Bản sao có chứng thực*)
- Học bạ THPT hoặc tương đương (*Bản sao có chứng thực*)
- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) (*Bản sao có chứng thực*)

* Ghi chú



- Trường chỉ mở lớp đào tạo khi đủ số lượng hồ sơ (từ 25 hồ sơ trở lên)
- Trong trường hợp đợt 1 không đủ số lượng hồ sơ, thì hồ sơ của Anh/Chị sẽ được chuyển sang đợt tiếp theo.

1.8. Chính sách ưu tiên:

Thực hiện theo quy định Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Điểm ưu tiên là mức điểm được cộng thêm vào tổng điểm thực tế của thí sinh khi tham gia xét tuyển. Theo quy định của Bộ GD&ĐT, chế độ cộng điểm ưu tiên cho thí sinh bao gồm:

Phương thức xét	Điểm ưu tiên theo Đối tượng		Điểm ưu tiên theo Khu vực			
	Từ 01-04	Từ 05-07	KV1	KV2-NT	KV2	KV3
Xét học bạ	2	1	0,75	0,5	0,25	0
Xét tuyển thẳng học sinh giỏi	0,67	0,33	0,25	0,17	0,08	0
Thí sinh tra cứu Đối tượng ưu tiên tại: https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/2850			Thí sinh tra cứu Khu vực ưu tiên tại: https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/2980			

- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thituyển...

1.9.1. Nộp hồ sơ

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh.
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển: 10.000 đồng/ bộ (mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1.9.2. Lệ phí

- Lệ phí xét tuyển: 150.000 đồng/ hồ sơ.
- Thí sinh nộp lệ phí bằng hình thức chuyển khoản, thông tin như sau:
 - + Tên tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
 - + Số tài khoản: 65010000465078.
 - + Ngân hàng: BIDV chi nhánh Bình Dương.
 - + Nội dung nộp tiền: HTX2023 [số CCCD của thí sinh]. Ví dụ: HTX2023 0740123456789

11/3/2023

- Thí sinh nộp lệ phí ngay sau khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thì hồ sơ mới hợp lệ.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Dự kiến học phí năm học 2023 – 2024: Học phí được thu theo quy định của Nhà nước đối với Trường Đại học công lập, mức dự kiến cụ thể:

STT	Khối ngành	Mức thu (Đồng/tín chỉ/sinh viên)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	937.500
2	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và Thông tin, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật	900.000
3	Khoa học tự nhiên	1.012.500
4	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	1.087.500
5	Các học phần kiến thức chung	900.000

- Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: theo quy định của Nhà nước đối với Trường Đại học công lập tự chủ tài chính

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2023. Công bố kết quả ngày 11/08/2023. Nhập học ngày 16/8/2023 đến 09/9/2023.

- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ ngày 12/8 đến ngày 15/11/2023. Công bố kết quả ngày 28/11/2023. Nhập học ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm các thông tin đã kê khai trong phiếu ĐKXT

- Nhà trường sẽ đối chiếu lại điểm mà thí sinh đã kê khai trong Phiếu ĐKXT với học bạ. Trường sẽ hủy kết quả trúng tuyển nếu thí sinh kê khai điểm, khu vực, đối tượng ưu tiên trong Phiếu ĐKXT không đúng

- Mỗi thí sinh chỉ được làm thủ tục nhập học một lần. Nhà trường không giải quyết việc rút lại hồ sơ, học phí và lệ phí sau khi thí sinh đã nhập học.

- Nhà trường cam kết tiếp nhận các phản ánh và giải quyết kịp thời, đúng quy định của thí sinh trong công tác tuyển sinh theo nguyên tắc bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....Không có

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học đối với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học.

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

Thí sinh có bằng tốt nghiệp Trung cấp phù hợp với ngành đăng ký. Thí sinh phải tốt nghiệp THPT hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khối lượng kiến thức văn hóa THPT.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển.

a. *Đối với các ngành không thuộc nhóm ngành sư phạm:* Xét tuyển bằng kết quả học tập bậc Trung cấp cùng nhóm ngành dự tuyển, xếp loại tốt nghiệp Trung cấp đạt Trung bình trở lên.

b. *Đối với nhóm ngành sư phạm (Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học):* Xét tuyển bằng kết quả học tập bậc Trung cấp cùng nhóm ngành dự tuyển kết hợp các điều kiện bổ sung theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT như sau:

- + Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8.0 trở lên;
- + Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- + Tốt nghiệp Trung cấp đạt loại giỏi trở lên;
- + Tốt nghiệp Trung cấp đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu VL VH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Trình độ đại học	7140201-22	Giáo dục Mầm non	500	Sử dụng phương thức khác	10	1776/QĐ-ĐHTDM	29/12/2017	ĐH Thủ Dầu Một	2017
2	Trình độ đại học	7140202-22	Giáo dục Tiểu học	500	Sử dụng phương thức khác	10	3160/QĐ- BGDDĐT	21/08/2012	Bộ GD&ĐT	2015

3	Trình độ đại học	7340301-22	Kế toán	500	Sử dụng phương thức khác	12	1175/QĐ- BGDĐT	20/12/2012	Bộ GD&ĐT	2015
---	------------------	------------	---------	-----	--------------------------	----	----------------	------------	----------	------

2.5. **Ngưỡng đầu vào**

- Thí sinh tốt nghiệp trung cấp phù hợp với ngành đăng ký. Xếp loại tốt nghiệp phải đạt từ trung bình trở lên.
- Thí sinh phải tốt nghiệp THPT hoặc đã hoàn thành khối lượng kiến thức văn hóa THPT và được cấp giấy chứng nhận hoàn thành.

2.6. **Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:**

- Thông tin trường:
- + Tên trường: Đại học Thủ Dầu Một
- + Mã trường: TDM
- + Loại hình trường : Đại học công lập (đa ngành)
- + Website :www.tuyensinh.tdmu.edu.vn
- + Email: trungamtuyensinh@tdmu.edu.vn
- + Địa chỉ: số 6, đường Trần Văn Ôn, P. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- + Điện thoại: (0274) 3835677 - (0274) 3844340 - (0274) 3844341
- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không quy định
- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Không quy định
- Quy định về điểm ưu tiên: Mức điểm khu vực và đối tượng được cộng vào tổng điểm xét tuyển của thí sinh.

2.7. **Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/xét tuyển.**

2.7.1 **Thời gian:**

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2023. Công bố kết quả ngày 11/08/2023. Nhập học ngày 16/8/2023 đến 09/9/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ ngày 12/8 đến ngày 15/11/2023. Công bố kết quả ngày 28/11/2023. Nhập học ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023.

2.7.2 **Hình thức nộp hồ sơ:**

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một. Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Căn cước công dân của thí sinh (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng tốt nghiệp Trung cấp (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng điểm Trung cấp (*Bản sao có chứng thực*)



- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) (Bản sao có chứng thực)

- Giấy xác nhận thời gian công tác trong ngành (đối với hồ sơ đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học)

2.8. Chính sách ưu tiên.

Thực hiện theo quy định Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT về đối tượng ưu tiên khi tham gia xét tuyển: Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

2.9.1. Nộp hồ sơ

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển: 10.000 đồng/ bộ (mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

2.9.2. Lệ phí

- Lệ phí xét tuyển: 150.000 đồng/ hồ sơ.

- Thí sinh nộp lệ phí bằng hình thức chuyển khoản, thông tin như sau:

+ Tên tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một.

+ Số tài khoản: 65010000465078.

+ Ngân hàng: BIDV chi nhánh Bình Dương.

+ Nội dung nộp tiền: HTX2023 [số CCCD của thí sinh]. Ví dụ: HTX2023 0740123456789

- Thí sinh nộp lệ phí ngay sau khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thì hồ sơ mới hợp lệ.

- Học phí được thu theo quy định của Nhà nước đối với Trường Đại học công lập, mức dự kiến cụ thể:

STT	Khối ngành	Mức thu (đồng/tín chỉ/sinh viên)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên , Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	937.500
2	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và Thông tin, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật.	900.000
3	Khoa học tự nhiên	1.012.500
4	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	1.087.500
5	Các học phần Kiến thức chung	900.000

Lộ trình tăng học phí: theo quy định của Nhà nước đối với Trường Đại học công lập

2.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2023. Công bố kết quả ngày 11/08/2023. Nhập học ngày 16/8/2023 đến 09/9/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ ngày 12/8 đến ngày 15/11/2023. Công bố kết quả ngày 28/11/2023. Nhập học ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023.

2.11. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm các thông tin đã kê khai trong phiếu hồ sơ
- Nhà trường sẽ đối chiếu lại điểm mà thí sinh đã kê khai trong hồ sơ. Trường sẽ hủy kết quả trúng tuyển nếu thí sinh kê khai điểm, khu vực, đối tượng ưu tiên trong hồ sơ không đúng
- Mỗi thí sinh chỉ được làm thủ tục nhập học một lần. Nhà trường không giải quyết việc rút lại hồ sơ, học phí và lệ phí sau khi thí sinh đã nhập học.
- Nhà trường cam kết tiếp nhận các phản ánh và giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại của thí sinh trong công tác tuyển sinh theo nguyên tắc bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).... không có

3. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học đối với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học.

3.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp Cao đẳng phù hợp với ngành đăng ký.

3.2. Phạm vi tuyển sinh

Trong cả nước

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển.

3.3.1. Đối với các ngành không thuộc nhóm ngành sư phạm:

Xét tuyển bằng kết quả học tập bậc cao đẳng cùng nhóm ngành dự tuyển, xếp loại tốt nghiệp cao đẳng đạt Trung bình trở lên.

3.3.2. Đối với nhóm ngành sư phạm (Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học):

Xét tuyển bằng kết quả học tập bậc cao đẳng cùng nhóm ngành dự tuyển kết hợp các điều kiện bổ sung theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT như sau:

- + Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8.0 trở lên;
- + Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp Trung cấp đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp Trung cấp đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu VLVI (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Trình độ đại học	7340301-24	Kế toán	500	Sử dụng phương thức khác	15	1776/QĐ-ĐHTDM	29/12/2017	ĐH Thủ Dầu Một	2017
2	Trình độ đại học	7140201-24	Giáo dục Mầm non	500	Sử dụng phương thức khác	10	1776/QĐ-ĐHTDM	29/12/2017	ĐH Thủ Dầu Một	2017
3	Trình độ đại học	7140202-24	Giáo dục Tiểu học	500	Sử dụng phương thức khác	15	1776/QĐ-ĐHTDM	29/12/2017	ĐH Thủ Dầu Một	2017
4	Trình độ đại học	7340101-24	Quản trị kinh doanh	500	Sử dụng phương thức khác	20	1776/QĐ-ĐHTDM	29/12/2017	ĐH Thủ Dầu Một	2017
5	Trình độ đại học	7520201-24	Kỹ thuật điện	500	Sử dụng phương thức khác	10	1776/QĐ-ĐHTDM	29/12/2017	ĐH Thủ Dầu Một	2017
6	Trình độ đại học	7440112-24	Hóa học	500	Sử dụng phương thức khác	10	1776/QĐ-ĐHTDM	29/12/2017	ĐH Thủ Dầu Một	2017
7	Trình độ đại học	7140217-24	Sư phạm Ngữ văn	500	Sử dụng phương thức khác	10	1175/QĐ-BGDĐT	29/03/2010	Bộ GD&ĐT	2010

3.5. Ngưỡng đầu vào

- Thí sinh tốt nghiệp cao đẳng phù hợp với ngành đăng ký. Xếp loại tốt nghiệp phải đạt từ trung bình trở lên.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Thông tin trường:

- + Tên trường: Đại học Thủ Dầu Một
- + Mã trường: TDM
- + Loại hình trường : Đại học công lập (đa ngành)
- + Website : www.tuyensinh.tdmu.edu.vn
- + Email: trungamtuyensinh@tdmu.edu.vn
- + Địa chỉ: số 6, đường Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- + Điện thoại: (0274) 3835677 - (0274) 3844340 - (0274) 3844341

- Quy định chính lịch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không quy định
- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Không quy định
- Quy định về điểm ưu tiên: Mức điểm khu vực và đối tượng được cộng vào tổng điểm xét tuyển của thí sinh.

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/xét tuyển.

3.7.1 Thời gian:

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2023. Công bố kết quả ngày 11/08/2023. Nhập học ngày 16/8/2023 đến 09/9/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ ngày 12/8 đến ngày 15/11/2023. Công bố kết quả ngày 28/11/2023. Nhập học ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023.

3.7.2 Hình thức nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một. Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Căn cước công dân của thí sinh (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng tốt nghiệp Trung cấp (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng điểm Trung cấp (*Bản sao có chứng thực*)
- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) (*Bản sao có chứng thực*)
- Giấy xác nhận thời gian công tác trong ngành (*đối với hồ sơ đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học*)

3.8. Chính sách ưu tiên.

Thực hiện theo quy định Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT về đối tượng ưu tiên khi tham gia xét tuyển: Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

3.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...



2.9.1. Nộp hồ sơ

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh.
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển: 10.000 đồng/ bộ (mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

2.9.2. Lệ phí

- Lệ phí xét tuyển: 150.000 đồng/ hồ sơ.
- Thí sinh nộp lệ phí bằng hình thức chuyển khoản, thông tin như sau:
 - + Tên tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
 - + Số tài khoản: 65010000465078.
 - + Ngân hàng: BIDV chi nhánh Bình Dương.
 - + Nội dung nộp tiền: HTX2023 [số CCCD của thí sinh]. Ví dụ: HTX2023 0740123456789
- Thí sinh nộp lệ phí ngay sau khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thì hồ sơ mới hợp lệ.
- Học phí được thu theo quy định của Nhà nước đối với Trường Đại học công lập, mức dự kiến cụ thể:

STT	Khối ngành	Mức thu (đồng/tín chỉ/sinh viên)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên , Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	937.500
2	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và Thông tin, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật.	900.000
3	Khoa học tự nhiên	1.012.500
4	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	1.087.500
5	Các học phần Kiến thức chung	900.000

Lộ trình tăng học phí: theo quy định của Nhà nước đối với Trường Đại học công lập

3.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2023. Công bố kết quả ngày 11/08/2023. Nhập học ngày 16/8/2023 đến 09/9/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ ngày 12/8 đến ngày 15/11/2023. Công bố kết quả ngày 28/11/2023. Nhập học ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023.

3.11. Việc CSDT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm các thông tin đã kê khai trong phiếu hồ sơ
- Nhà trường sẽ đối chiếu lại điểm mà thí sinh đã kê khai trong hồ sơ. Trường sẽ hủy kết quả trúng tuyển nếu thí sinh kê khai điểm, khu vực, đối tượng ưu tiên trong hồ sơ không đúng
- Mỗi thí sinh chỉ được làm thủ tục nhập học một lần. Nhà trường không giải quyết việc rút lại hồ sơ, học phí và lệ phí sau khi thí sinh đã nhập học.
- Nhà trường cam kết tiếp nhận các phản ánh và giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại của thí sinh trong công tác tuyển sinh theo nguyên tắc bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

3.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).... không có

4. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa học vừa làm với đối tượng tốt nghiệp đại học (liên thông từ đại học lên đại học (văn bằng 2) hệ vừa làm vừa học)

4.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp Đại học

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước

4.3. Phương thức tuyển sinh (thí tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển. Xét tuyển bằng kết quả học tập của bằng Đại học thứ nhất, xếp tốt nghiệp đạt loại Trung bình trở lên.

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu VL VH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Trình độ đại học	7340301	Kế toán	500	Sử dụng phương thức khác	20	1175/QĐ-BGDĐT	29/03/2010	Bộ GD&ĐT	2010
2	Trình độ đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	500	Sử dụng phương thức khác	20	1175/QĐ-BGDĐT	29/03/2010	Bộ GD&ĐT	2010
3	Trình độ đại học	7380101	Luật	500	Sử dụng phương thức khác	20	5646/QĐ-BGDĐT	20/12/2012	Bộ GD&ĐT	2012
4	Trình độ đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	500	Sử dụng phương thức khác	20	1175/QĐ-BGDĐT	29/03/2010	Bộ GD&ĐT	2010

5	Trình độ đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	500	Sử dụng phương thức khác	12	3160/QĐ-BGDĐT	28/12/2012	Bộ GD&ĐT	2012
---	------------------	---------	---------------------	-----	--------------------------	----	---------------	------------	----------	------

4.5. Ngưỡng đầu vào

Xét tuyển bằng kết quả học tập của bằng Đại học thứ nhất, xếp tốt nghiệp đạt loại Trung bình trở lên.

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Thông tin trường:
- + Tên trường: Đại học Thủ Dầu Một
- + Mã trường: TDM
- + Loại hình trường : Đại học công lập (đa ngành)
- + Website :www.tuyensinh.tdmu.edu.vn
- + Email: trungamtuyensinh@tdmu.edu.vn
- + Địa chỉ: số 6, đường Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- + Điện thoại: (0274) 3835677 - (0274) 3844340 - (0274) 3844341
- Quy định chính lịch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không quy định
- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Không quy định
- Quy định về điểm ưu tiên: Mức điểm khu vực và đối tượng được cộng vào tổng điểm xét tuyển của thí sinh:

4.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/xét tuyển;

Thời gian:

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2023. Công bố kết quả ngày 11/08/2023. Nhập học ngày 16/8/2023 đến 09/9/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ ngày 12/8 đến ngày 15/11/2023. Công bố kết quả ngày 28/11/2023. Nhập học ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023.

Hình thức nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một. Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Căn cước công dân của thí sinh (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng tốt nghiệp Trung cấp (*Bản sao có chứng thực*)
- Bảng điểm Trung cấp (*Bản sao có chứng thực*)

- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) (Bản sao có chứng thực)

- Giấy xác nhận thời gian công tác trong ngành (đối với hồ sơ đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học)

4.8. Chính sách ưu tiên.

Thực hiện theo quy định Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT về đối tượng ưu tiên khi tham gia xét tuyển: Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

4.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

4.9.1. Nộp hồ sơ

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển: 10.000 đồng/bộ (mẫu của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

4.9.2. Lệ phí

- Lệ phí xét tuyển: 150.000 đồng/ hồ sơ.

- Thí sinh nộp lệ phí bằng hình thức chuyển khoản, thông tin như sau:

+ Tên tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một.

+ Số tài khoản: 65010000465078.

+ Ngân hàng: BIDV chi nhánh Bình Dương.

+ Nội dung nộp tiền: HTX2023 [số CCCD của thí sinh]. Ví dụ: HTX2023 0740123456789

- Thí sinh nộp lệ phí ngay sau khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thì hồ sơ mới hợp lệ.

- Học phí được thu theo quy định của Nhà nước đối với Trường Đại học công lập, mức dự kiến cụ thể:

STT	Khối ngành	Mức thu (đồng/tín chỉ/sinh viên)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	937.500
2	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và Thông tin, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật.	900.000
3	Khoa học tự nhiên	1.012.500
4	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	1.087.500
5	Các học phần Kiến thức chung	900.000

Lộ trình tăng học phí: theo quy định của Nhà nước đối với Trường Đại học công lập

4.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2023. Công bố kết quả ngày 11/08/2023. Nhập học ngày 16/8/2023 đến 09/9/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ ngày 12/8 đến ngày 15/11/2023. Công bố kết quả ngày 28/11/2023. Nhập học ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023.

4.11. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm các thông tin đã kê khai trong hồ sơ
- Nhà trường sẽ đối chiếu lại điểm mà thí sinh đã kê khai trong hồ sơ. Trường sẽ hủy kết quả trúng tuyển nếu thí sinh kê khai điểm, khu vực, đối tượng ưu tiên trong hồ sơ không đúng
- Mỗi thí sinh chỉ được làm thủ tục nhập học một lần. Nhà trường không giải quyết việc rút lại hồ sơ, học phí và lệ phí sau khi thí sinh đã nhập học.
- Nhà trường cam kết tiếp nhận các phản ánh và giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại của thí sinh trong công tác tuyển sinh theo nguyên tắc bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

4.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).... không có

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: Không tuyển sinh

